TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 355/2017/HSST
Ngày: 20/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Ngọc Thực

2/ Bà Đào Thị Hoài Thanh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hà Quỳnh Nga – Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Võ Thắng Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 256/2017/HSST ngày 15/5/2017 đối với bị cáo:

Trần Kim C; giới tính: Nữ, sinh năm: 1983 tại tỉnh M; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã P, tỉnh M; nơi ở: Không nơi ở nhất định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Kinh doanh; con ông: Đ và bà H; hoàn cảnh gia đình: Có chồng và 01 con sinh ngày 08/4/2014; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 23/6/2016. (Có mặt)

Người bị hại: Bà **Trần Thị Ánh Ph**, sinh năm 1982. (Xin vắng mặt)
Địa chỉ: 130 Đường A, Phường B, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà **Huỳnh Ngọc Ha -** Luật sư của Văn phòng Luật sư Huỳnh Ngọc Ha thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

NHẬN THẤY:

Bị cáo Trần Kim C bị Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào tháng 8/2013, do cần tiền để kinh doanh cửa hàng rượu Ki & Pi (địa chỉ: 271 đường V, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh), thông qua môi giới từ một người phụ nữ tên Be (không rõ lai lịch), Trần Kim C vay số tiền 400.000.000 đồng của người đàn ông tên Vi (không rõ lai lịch) trong thời gian 01 tháng, lãi suất 20%/tháng, trả lãi vay trước. Khoảng 03 tuần sau, C cần thêm tiền để đầu tư vào kinh doanh rượu nên đã hỏi Vi mượn tiếp số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 20%/tháng. Sau khi đòi nợ C không được, Vi đã hăm dọa đến tính mạng của người thân trong gia đình C và bày vẽ cho C đi thuê xe ô tô rồi mang đi cầm cố, lấy tiền trả nợ. C đồng ý và được Vi giao cho số tiền 50.000.000 đồng dùng để đặt cọc thuê xe.

Thông qua sự giới thiệu của bạn bè, ngày 28/11/2013, C thuê chiếc xe ô tô hiệu Toyota Camry biển số 51A – XXX.YY của anh Đặng Hồng Phui trong thời gian 03 tháng, giá thuê là 27.000.000 đồng/tháng. C đặt cọc trước số tiền 20.000.000 đồng và được anh Phui giao cho chiếc xe ô tô trên cùng bản sao y giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và bảo hiểm xe đứng tên Trịnh Thị Phương Th. Sau đó, Vi yêu cầu C tìm nơi cầm cố xe nhưng C chưa tìm được. Và thông qua sự giới thiệu của V, C đưa hình thẻ của mình và nhờ một người phụ nữ tên Thủ (không rõ lai lịch) làm giả giấy tờ xe cho C để C đem xe đi cầm cố.

Ngày 30/11/2013, sau khi làm giấy tờ giả cho C gồm: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và chứng minh nhân dân có hình của C đều mang tên Trịnh Thị Phương Th, Thủ giao cho C tại một quán cà phê trên đường Nguyễn Văn L. Tại đây còn có các đối tượng tên Ch, Vi và Đê. Sau đó, C và Đê đến nhà bà Trần Thị Ánh Ph tại số 141D X, phường Z, quận Q để cầm cố chiếc xe ô tô nói trên với số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 8%/tháng trong thời gian 06 tháng, lấy lãi đầu tháng. C giao lại chứng minh nhân dân và giấy đăng ký giả cho bà Ph.

Số tiền 500.000.000 đồng nhận của bà Ph, C trả tiền lãi nửa tháng cho bà Ph 20.000.000 đồng, đưa cho Vi số tiền 260.000.000 đồng, đưa cho Ch số tiền 150.000.000 đồng tiền công, còn lại 70.000.000 đồng C tiêu xài hết.

Tại Bản kết luận giám định số 266/KLGĐ – TT ngày 12/02/2014 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- "Chứng nhận đăng ký xe ô tô" số: 0159ZZ, biển số 51A – XXX.YY, tên chủ xe: Trịnh Thị Phương Th cần giám định trên tài liệu ký hiệu A1 là giấy giả.

- "Giấy chứng minh nhân dân" số: 0227676XX, họ tên: Trịnh Thị Phương Th cần giám định trên tài liệu ký hiệu A2 là giấy giả.

Ngoài ra, C còn khai nhận: Vào ngày 29/11/2013, C ký kết hợp đồng thuê của anh Nguyễn Văn Bi xe ô tô Toyota Innova biển số 52U-YYZX, xe do Công ty TNHH TM DV Mi đứng tên, thời hạn thuê 01 năm. Vi cũng bảo C cầm cố xe này để lấy tiền trả nợ. Ngày 30/11/2013, C trao đổi với Phạm Công Bìn (tên khác: chọc) để làm giả giấy tờ chiếc xe ô tô này mang tên Công ty TNHH TM DV Mi do Nguyễn Văn Bi là đại diện và đưa đi thế chấp, Bi đồng ý. Sau đó, thông qua người quen tên Nguyễn Quang Tu, C và Phạm Công Bìn đã dùng giấy tờ giả để cầm cố chiếc xe này cho anh Lê Thanh Tĩ được 250.000.000 đồng. Tuy nhiên, hành vi này Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không khởi tố hình sự do người bị hại anh Lê Thanh Tĩ không yêu cầu. Ngoài ra, do không thể nhận dạng được Phạm Công Bìn và ngoài lời khai của C và Bìn ra thì không có chứng cứ vật chất nào để chứng minh hành vi phạm tội của Trần Kim C và Phạm Công Bìn đối với lần chiếm đoạt này.

Tại Bản cáo trạng số 213/CT-VKS-P2 ngày 08/5/2017, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố đối với Trần Kim C về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" đối với bị hại Trần Thị Ánh Ph với số tiền C chiếm đoạt là 500.000.000 đồng và tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo điểm a khoản 4 Điều 139 và khoản 1 Điều 267 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo Trần Kim C khai nhận do cần tiền trả nợ và do bị chủ nợ là Vi đe dọa nên C đã đồng ý thực hiện kế hoạch do Vi vạch ra, đó là đi thuê xe ô tô rồi làm giả giấy tờ xe và giấy tờ tùy thân giả để đi thế chấp xe lấy tiền trả nợ. C đã thuê xe thành công chiếc xe ô tô Toyota Camry biển số 51A-XXX.YY của anh Đặng Hồng Phui rồi làm giấy tờ giả để thế chấp chiếc xe này cho bà Trần Thị Ánh Ph với số tiền là 500.000.000 đồng, sau khi trả cho bà Ph tiền lãi nửa tháng là 20.000.000 đồng, số tiền C thực nhận là 480.000.000 đồng. Ngoài ra, C còn thuê chiếc xe ô tô Toyota Innova biển số 52U-YYZX của anh Nguyễn Văn Bi và thế chấp cho anh Lê Thanh Tĩ để lấy 250.000.000 đồng. Hiện gia đình bị cáo đã thanh toán đầy đủ cho người bị hại là bà Ph số tiền 500.000.000 đồng, bà Ph

đã có văn bản xác nhận đã nhận đủ số tiền này và xin bãi nại cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo phạm tội lần đầu, khi phạm tội bị cáo đang mang thai, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hậu quả đã được khắc phục toàn bộ và bị cáo phạm tội do bị xúi giục, đe dọa của Vi. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Kim C trình bày: Đồng ý tội danh và điều luật truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo Trần Kim C. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là nghiêm khắc. Do bị cáo C có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự để quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định nhưng trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày bản luận tội, xác định nội dung Bản cáo trạng đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai. Đồng thời, sau khi phân tích tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện đã đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Trần Kim C từ 09 đến 10 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự; từ 01 đến 02 năm tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo khoản 1 Điều 267 của Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là từ 10 đến 12 năm tù.

Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các bị cáo.

XÉT THẤY:

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của phía bị hại cùng các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, từ đó xác định được: Ngày 28/11/2013, Trần Kim C đã thuê chiếc xe ô tô hiệu Toyota Camry biển số 51A-XXX.YY của anh Đặng Hồng Phui và được anh Phui giao chiếc xe ô tô trên cùng bản sao y giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và

bảo hiểm xe do bà Trịnh Thị Phương Th đứng tên. Ngày 30/11/2013, C nhờ người làm giả giấy chứng minh nhân dân và giấy đăng ký xe mang tên Trịnh Thị Phương Th (là người đứng tên chủ xe) nhưng dán ảnh của C vào 02 giấy tờ này. Sau đó, C sử dụng các giấy tờ này và đem xe đi cầm cố cho bà Trần Thị Ánh Ph tại nhà số 141D đường X, phường Z, quận Q với giá là 500.000.000 đồng. C trả lại tiền lãi nửa tháng cho bà Ph là 20.000.000 đồng, số tiền 480.000.000 đồng nhận của bà Ph, C đưa hết cho Vi và Vi đưa lại cho C 70.000.000 đồng để tiếp tục kinh doanh.

Tại Bản kết luận giám định số 266/KLGĐ-TT ngày 12/02/2014 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô và giấy chứng minh nhân dân mang tên Trịnh Thị Phương Th có dán ảnh của Trần Kim C là giấy giả.

Như vậy, bị cáo C đã thuê chiếc xe ô tô Toyota Camry biển số 51A-XXX.YY của anh Đặng Hồng Phui bằng hợp đồng dân sự rồi dùng thủ đoạn gian dối, làm giấy tờ giả để cầm cố chiếc xe ô tô này nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại Trần Thị Ánh Ph số tiền là 480.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" thuộc trường hợp "chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng" được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật Hình sự và tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo khoản 1 Điều 267 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo theo khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự thuộc trường hợp "chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên" là chưa chính xác.

Do bị cáo phạm nhiều tội nên cần áp dụng Điều 50 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt cho bị cáo theo luật định.

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản công dân được pháp luật bảo vệ mà xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý hành chính, sự hoạt động bình thường và uy tín của các cơ quan, tổ chức, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức rõ việc chiếm đoạt tài sản là phạm pháp, thế nhưng bị cáo vẫn ngang nhiên thực hiện tội phạm vì động cơ tư lợi riêng của cá nhân mình, điều đó cho thấy bị cáo xem thường pháp luật, cần phải áp dụng mức hình phạt thật nghiêm mới tương xứng

với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo cũng như đảm báo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo cùng gia đình đã khắc phục toàn bộ hậu quả cho người bị hại, bị cáo phạm tội khi đang có thai (Theo Phiếu siêu âm sản khoa của Phòng khám chuyên khoa TKTQ – bút lục 86 thì Trần Kim C tại thời điểm phạm tội ngày 30/11/2013 đang mang thai được hơn 22 tuần tuổi). Đồng thời, người bị hại có đơn xin bãi nại đối với bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ cần áp dụng cho bị cáo, được quy định tại các điểm b, l, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra các bị cáo phải chịu. Tuy nhiên, do bị cáo C thừa nhận có thực hiện hành vi phạm tội tương tự đối với anh Lê Thanh Tĩ để chiếm đoạt số tiền 250.000.000 đồng nên không áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự để xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo được.

Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 139 và khoản 4 Điều 267 của Bộ luật Hình sự, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo đang nuôi con nhỏ, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Trách nhiệm dân sự:

Tại Đơn xin bãi nại đề ngày 30/6/2017 (Bút lục 491), người bị hại là bà Trần Thị Ánh Ph xác nhận gia đình Trần Kim C đã bồi thường cho bà số tiền 500.000.000 đồng. Bà Ph không có yêu cầu gì khác. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Xử lý vật chứng:

- Đối với 01 chiếc xe ô tô hiệu Toyota Camry biển số 51A-XXX.YY đã giao trả cho anh Đặng Hồng Phui, xét thấy việc giao trả là phù hợp quy định tại Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- 01 Giấy vay tiền ngày 01/12/2013; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 51A-XXX.YY (kết quả giám định là giả); 01 giấy chứng minh nhân dân số 0227676XX mang tên Trịnh Thị Phương Th (kết quả giám định là giả) và 01

bản sao y số 03481206 ngày 26/11/2013 của sổ hộ khẩu số 31000859ZZ (kết quả giám định là giả) là chứng cứ của vụ án nên cần lưu vào hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động Nokia số Imei 3578870543965WW; Imei 2: 3578870543965UU thu giữ của bị cáo là công vụ phạm tội nên bị tịch thu, sung quỹ Nhà nước theo điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với 01 ổ cứng di động (USB) không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo theo điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Trần Kim C** phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; khoản 1 Điều 267; Điều 50; điểm b, p, l khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Kim C** 08 (tám) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 06 (sáu) tháng tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/6/2016.

Áp dụng Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Nokia số Imei 3578870543965WW; Imei 2: 3578870543965UU (Theo Biên bản giao nhận tang tài vật số 194/17 ngày 03/5/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

- Trả cho bị cáo Trần Kim C 01 ổ cứng di động (USB). (Theo Biên bản giao nhận tang tài vật số 194/17 ngày 03/5/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Trại giam; (4)
- Bị cáo; (4)
- NCQL,NVLQ (1)
- Phòng PC 53 - CA TPHCM ; (1)
- THAHS ; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (4)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (6) (30)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hà